

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Bà Đỗ Thị Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2000; số định danh cá nhân: 038300020360; địa chỉ: Khu phố H, xã L (thị trấn L, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Đình T, sinh năm 1999; số định danh cá nhân: 038099001866; địa chỉ: Khu phố H, xã L (thị trấn L, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Đình T qua việc tìm hiểu, lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thọ Xuân (nay là xã Lam Sơn), tỉnh

Thanh Hóa vào ngày 04/6/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, luôn bất đồng về quan điểm, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, việc anh T chơi bời, nợ nần, không quan tâm đến vợ con. Chị đã cố gắng chịu đựng, hàn gắn tình cảm để vợ chồng chung sống nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến tháng 12/2022 thì chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó vợ chồng có quay lại chung sống với nhau thêm một thời gian, nhưng không có hạnh phúc, nên từ tháng 7/2024 thì vợ chồng chính thức ly thân. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Minh N1, sinh ngày 21/10/2021 và cháu Đỗ Minh N2, sinh ngày 21/10/2021. Từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Minh N1 ở với chị, còn cháu Minh N2 đang ở với anh T và ông bà nội. Quan điểm của chị N là sau khi ly hôn mỗi người sẽ trực tiếp nuôi dưỡng một con chung; chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh N1, đề nghị giao cháu Minh N2 cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Đình T hiện đang cư trú tại khu phố H, thị trấn L (nay là xã L, tỉnh Thanh Hóa); Quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia tố tụng tại các phiên tòa, nhưng bị đơn đều không đến Tòa án làm việc, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 19/6/2025, đại diện UBND thị trấn L, huyện T cho biết:

Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Đình T có quan hệ là vợ chồng. Anh chị có hộ khẩu thường trú tại: khu phố H, thị trấn L, huyện T (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa; anh chị có đăng ký kết hôn nhưng đăng ký tại địa phương khác, không đăng ký tại UBND thị trấn L. Quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh T có 02 con chung là cháu Đỗ Minh N1, sinh ngày 21/10/2021 và cháu Đỗ Minh N2, sinh ngày 21/10/2021. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, có mặt theo triệu tập của Tòa án. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ và quan điểm về việc giải quyết vụ án; không có mặt theo triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, xét thấy việc vi phạm đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Minh N1, sinh ngày 21/10/2021 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Đỗ Minh N2, sinh ngày 21/10/2021 cho anh Đỗ Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N, anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị N, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Đỗ Đình T, hiện đang cư trú tại: Khu phố H, thị trấn L, huyện T (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Đỗ Đình T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Đình T tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã T, huyện T (nay là xã L), tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/6/2021, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị

N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, từ tháng 12/2022 tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình. Từ tháng 7/2024 vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị N một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị N, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đỗ Đình T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Đình T có 02 con chung là cháu Đỗ Minh N1, sinh ngày 21/10/2021 và cháu Đỗ Minh N2, sinh ngày 21/10/2021.

Xét: Con chung là cháu Đỗ Minh N1 hiện nay đang ở với chị N, con chung là cháu Đỗ Minh N2 hiện nay đang ở với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, chị N có ý kiến đề nghị giải quyết cho chị N và anh T mỗi người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, chị N xin được trực tiếp nuôi cháu Minh N1, đề nghị giao cháu Minh N2 cho anh T trực tiếp nuôi; anh T thì không đến Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm về nuôi con chung. Tuy nhiên, xét thực tế hiện con chung là cháu Đỗ Minh N1 đang ở với chị N, còn cháu Đỗ Minh N2 thì đang ở với anh T từ khi vợ chồng ly thân, đã được anh T và gia đình chăm sóc nuôi dưỡng tốt. Vì vậy, để đảm bảo quyền được nuôi con của hai bên vợ chồng sau ly hôn, cần thiết giao con chung là cháu Đỗ Minh N1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Đỗ Minh N2 giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, như vậy là đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với thực tế sinh hoạt của con và phù hợp với quy định của pháp luật. Chị N và anh T mỗi người đã trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và không có yêu cầu về cấp dưỡng, do đó hai bên không ai phải cấp dưỡng.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Đỗ Đình T không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271,

khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đỗ Đình T.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Đình T có 02 (hai) con chung là cháu Đỗ Minh N1, sinh ngày 21/10/2021 và cháu Đỗ Minh N2, sinh ngày 21/10/2021.

Giao con chung là cháu Đỗ Minh N1 cho chị Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung là cháu Đỗ Minh N2 cho anh Đỗ Đình T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Đình T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị N đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005394 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thanh Hóa). Như vậy, chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 8 - Thanh Hoá;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Lam Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến

